

BẢN MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VITA - BẢO AN TOÀN DIỆN

Tận hưởng cuộc sống đến 99 tuổi với thời gian đóng phí ngắn

1. Vững tâm với quỹ bảo vệ toàn diện, được chi trả nhiều lần trước 99 Bệnh hiểm nghèo, lên đến **550.000.000** đồng cùng với Quyền lợi miễn đóng phí nếu Người được bảo hiểm chẳng may mắc Bệnh hiểm nghèo.
2. Chủ động tài chính trong ngắn hạn nhờ Quyền lợi tiền mặt định kỳ chi trả mỗi 5 năm, tương ứng **10.000.000** đồng cho mỗi định kỳ.
3. Cuộc sống an nhàn khi về già với Quyền lợi tiền mặt đặc biệt ở tuổi 75, lên đến **2.116.462.000** đồng (bao gồm Quyền lợi tiền mặt định kỳ để lại tích lũy tại Công ty).
4. Tăng cường bảo vệ con yêu qua quyền lợi hỗ trợ tài chính cho Cha Mẹ.
5. Di sản yêu thương cho người ở lại khi Người được bảo hiểm qua đời sau năm 75 tuổi, tương đương **200.000.000** đồng.

Bên mua bảo hiểm: **NGUYỄN VĂN A**

Người được bảo hiểm: **NGUYỄN VĂN A**



Thành lập năm 1831 tại Trieste, Ý, **Generali** là một trong những công ty bảo hiểm lớn nhất tại Châu Âu và là một trong những công ty đứng đầu thế giới về doanh thu phí bảo hiểm. Với doanh thu phí bảo hiểm hàng năm đạt 66 tỷ EUR, 77.000 nhân viên trên toàn thế giới phục vụ 65 triệu khách hàng tại hơn 60 quốc gia (số liệu cập nhật đến năm 2014), **Tập đoàn Generali** được Fortune Global 500 xếp hạng trong nhóm 50 công ty lớn nhất thế giới.

Generali Việt Nam được Bộ Tài chính cấp giấy phép hoạt động vào ngày 20/04/2011. **Generali Việt Nam** cam kết phát triển các kênh phân phối đa dạng và sản phẩm, dịch vụ bảo hiểm phong phú nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu bảo hiểm và quản lý tài chính của các cá nhân và tổ chức tại Việt Nam.

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: PMU Dummy
Mã số Tư vấn bảo hiểm: dummysmu

Generali SIS Bản số : CIB2
In ngày: 25/06/2018 14:41:17

BẢN MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM NÀY LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM
VÀ CHỈ CÓ GIÁ TRỊ MINH HỌA KHI CÓ ĐẦY ĐỦ CÁC TRANG

Thông tin khách hàng		Tuổi	Giới tính	Nhóm nghề nghiệp
Bên mua bảo hiểm:	NGUYỄN VĂN A	35	Nam	2
Người được bảo hiểm chính:	NGUYỄN VĂN A	35	Nam	2

Đơn vị: đồng

Thông tin hợp đồng					
Sản phẩm chính	Số tiền bảo hiểm	Người được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng (năm)	Thời hạn đóng phí (năm)	Phí bảo hiểm hàng năm
VITA - Bảo An Toàn Diện	200.000.000	NGUYỄN VĂN A	64	15	16.300.000
Tổng cộng					16.300.000
Định kỳ	Hàng năm	Hàng nửa năm	Hàng quý		
Tổng phí bảo hiểm	16.300.000	8.639.000	4.401.000		

Ghi chú:

1. Phí bảo hiểm được trình bày trên đây là phí tính cho người có sức khỏe trung bình theo tiêu chuẩn của Công ty. Phí bảo hiểm thực tế sẽ dựa trên kết quả thăm định.

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Đơn vị: đồng

Quyền lợi dành cho Người được bảo hiểm chính: NGUYỄN VĂN A	Quyền lợi chi trả
1. Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu - Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu lần thứ 1 - Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu lần thứ 2	50.000.000 50.000.000
2. Quyền lợi Biến chứng bệnh tiểu đường	50.000.000
3. Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau - Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau lần thứ 1 - Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau lần thứ 2	200.000.000 và Miễn thu Phí bảo hiểm còn lại của sản phẩm chính 200.000.000
4. Quyền lợi tử vong trước Ngày kỷ niệm hợp đồng ngay sau khi Người được bảo hiểm đạt 75 tuổi - Nếu chưa nhận Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau - Nếu đã nhận Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau lần thứ 1	400.000.000 cộng với Khoản đặc biệt do duy trì hợp đồng 200.000.000 cộng với Khoản đặc biệt do duy trì hợp đồng
5. Quyền lợi tiền mặt định kỳ - Nếu nhận định kỳ - Nếu để lại Công ty tích lũy lãi	80.000.000 371.447.000
6. Khoản đặc biệt do duy trì hợp đồng (lãi suất 7%/năm)	1.345.014.000
7. Quyền lợi tiền mặt đặc biệt tại tuổi 75 (*)	2.116.462.000
8. Quyền lợi tử vong từ Ngày kỷ niệm hợp đồng ngay sau khi Người được bảo hiểm đạt 75 tuổi	200.000.000

Quyền lợi bảo hiểm dành cho Trẻ em (**)	Quyền lợi chi trả
Quyền lợi ung thư dành cho Trẻ em	50.000.000

Ghi chú:

(*) Quyền lợi tiền mặt đặc biệt tại tuổi 75 được minh họa với giả định chưa có bất kỳ Quyền lợi bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau được thanh toán. Quyền lợi này bao gồm Quyền lợi tiền mặt định kỳ tích lũy và Khoản đặc biệt do duy trì hợp đồng (minh họa với lãi suất 7%/năm).

(**) Trẻ em là một cá nhân hiện đang cư trú tại Việt Nam; từ 30 (ba mươi) ngày tuổi đến 17 (mười bảy) tuổi (theo sinh nhật vừa qua) vào ngày Chẩn đoán Bệnh hiểm nghèo; là con ruột của Người được bảo hiểm hoặc là người được Người được bảo hiểm chính nhận nuôi dưỡng, giám hộ hợp pháp.

DANH SÁCH 99 BỆNH HIỂM NGHÈO

Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu		Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau	
Nhóm 1 - Ung thư	1. Ung thư biểu mô tại chỗ của một số cơ quan	Nhóm 1 - Ung thư	1. Ung thư
Nhóm 2 - Tạng chủ	3. Phẫu thuật cắt bỏ một thận 4. Ghép ruột non 5. Phẫu thuật cắt một bên phổi 6. Phẫu thuật gan 7. Phẫu thuật phục hồi đường mật	Nhóm 2 - Tạng chủ	2. Suy thận 3. Phẫu thuật ghép tạng chủ 4. Bệnh phổi giai đoạn cuối 5. Nang tủy thận 6. Viêm gan siêu vi thể tối cấp 7. Suy gan giai đoạn cuối 8. Thiếu máu bất sản 9. Viêm tụy mãn tái phát 10. Viêm gan tự miễn dịch mãn tính
Nhóm 3 - Hệ tuần hoàn (tim mạch)	12. Đặt máy tạo nhịp tim 13. Đặt máy khử rung tim 14. Phẫu thuật xâm lấn tối thiểu bắc cầu động mạch vành trực tiếp (MIDCAB) 15. Phẫu thuật xâm lấn tối thiểu Động mạch chủ	Nhóm 3 - Hệ tuần hoàn (tim mạch)	11. Nhồi máu cơ tim 12. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành 13. Phẫu thuật thay van tim 14. Phẫu thuật động mạch chủ 15. Tăng áp lực động mạch phổi nguyên phát 16. Bệnh cơ tim 17. Hội chứng Eisenmenger 18. Viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn
Nhóm 4 - Hệ thống thần kinh - Cơ xương khớp	21. Phẫu thuật đặt dẫn lưu não thất 22. Phẫu thuật cắt u tuyến yên 23. Loãng xương với Gãy xương (Bảo hiểm đến năm 70 tuổi) 24. Bệnh tủy sống hoặc chấn thương cột sống dẫn tới rối loạn chức năng bàng quang và ruột	Nhóm 4 - Hệ thống thần kinh - Cơ xương khớp	19. Hôn mê 20. Đột quy 21. Bệnh ALZHEIMER 22. Bệnh Parkinson 23. Bệnh xơ cứng rải rác từng đám 24. Viêm não 25. Chấn thương sọ não 26. Phẫu thuật sọ não 27. Bệnh teo cơ tủy (SMA) 28. Bệnh xơ cứng cột bên teo cơ 25. Phẫu thuật huyết khối xoang hang 26. Viêm tủy sống do lao 27. Động kinh nặng 28. Parkinson thể trung bình 29. Viêm màng não do vi khuẩn 30. Bệnh u não lành tính 31. Bệnh bại liệt 32. Cụt nhiều chi 33. Liệt 34. Bệnh loạn dưỡng cơ 35. Bệnh nhược cơ 36. Loãng xương nặng (Bảo hiểm đến năm 70 tuổi) 37. Tổn thương đa rễ đám rối thần kinh cánh tay 38. Bệnh Creutzfeldt-Jakob (Bò điên) 39. Bệnh lao màng não 40. Gãy cột sống do tai nạn 41. Phình mạch não bất buộc phải phẫu thuật 42. Hội chứng Apallic 43. Liệt trên nhân tiền triển 44. Liệt hành não tiền triển
Nhóm 5 - Khác	29. Mất thị lực 01 mắt 30. Bồng nhẹ 31. Mất 01 chi 32. Phẫu thuật cấy ốc tai	Nhóm 5 - Khác	45. Bồng nặng 46. Lupus ban đỏ hệ thống có biến chứng thận 47. Mù 48. Mất khả năng nói 49. Mất thính lực 50. Viêm khớp dạng thấp nặng 51. U tủy thượng thận 52. Xơ cứng bì tiến triển 53. Nhiễm HIV do truyền máu 54. Nhiễm HIV do nghề nghiệp 55. Suy thượng thận mãn tính 56. Viêm căn mạc hoại tử 57. Viêm loét đại tràng với phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng 58. Bệnh Crohn có lỗ rò 59. Phẫu thuật Vẹo cột sống nguyên phát 60. Sốt xuất huyết Ebola 61. Bệnh chân voi
Biến chứng bệnh tiểu đường	1. Bệnh võng mạc do tiểu đường 2. Bệnh thận do tiểu đường 3. Cụt chi do tiểu đường		

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: PMU Dummy
Mã số Tư vấn bảo hiểm: dummypmu

Generali SIS Bản số: CIB2
In ngày: 25/06/2018 14.41.17

MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH

Đơn vị: nghìn đồng

Năm hợp đồng/Tuổi	Phí bảo hiểm quy năm	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo			Quyền lợi tử vong		Giá trị hoàn lại	Quyền lợi tiền mặt định kỳ	Quyền lợi tiền mặt định kỳ tích lũy	Giá trị minh họa ở mức 4%/năm áp dụng cho Khoản đặc biệt do duy trì hợp đồng (DTHĐ)			Giá trị minh họa ở mức 7%/năm áp dụng cho Khoản đặc biệt do duy trì hợp đồng (DTHĐ)		
			Giai đoạn đầu và Biến chứng bệnh tiểu đường	Giai đoạn sau lần thứ 1	Giai đoạn sau lần thứ 2	Đã nhận quyền lợi minh họa tại (5)	Chưa nhận quyền lợi minh họa tại (5), (6)				Khoản đặc biệt do DTHĐ tích lũy	Tổng Quyền lợi bảo hiểm tối đa	Giá trị hoàn lại	Khoản đặc biệt do DTHĐ tích lũy	Tổng Quyền lợi bảo hiểm tối đa	Giá trị hoàn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11) = (10) + Lãi	(12)	(13) = (4) + (8) + (11) + (12)	(14) = (9) + (11) + (12)	(15)	(16) = (4) + (8) + (11) + (15)	(17) = (9) + (11) + (15)
1/36	16.300	16.300	150.000	200.000	200.000	200.000	400.000	-	-	-	-	550.000	-	-	550.000	-
2/37	16.300	32.600	150.000	200.000	200.000	200.000	400.000	-	-	-	-	550.000	-	-	550.000	-
3/38	16.300	48.900	150.000	200.000	200.000	200.000	400.000	10.912	-	-	-	550.000	10.912	-	550.000	10.912
4/39	16.300	65.200	150.000	200.000	200.000	200.000	400.000	21.378	-	-	436	550.436	21.378	764	550.764	21.378
5/40	16.300	81.500	150.000	200.000	200.000	200.000	400.000	24.932	10.000	10.700	1.309	562.009	35.632	2.314	563.014	35.632
6/41	16.300	97.800	150.000	200.000	200.000	200.000	400.000	38.098	-	11.449	2.359	563.808	49.547	4.221	565.670	49.547
7/42	16.300	114.100	150.000	200.000	200.000	200.000	400.000	51.384	-	12.250	3.977	566.227	63.634	7.183	569.434	63.634
8/43	16.300	130.400	150.000	200.000	200.000	200.000	400.000	66.476	-	13.108	6.191	569.299	79.584	11.283	574.391	79.584
9/44	16.300	146.700	150.000	200.000	200.000	200.000	400.000	79.540	-	14.026	9.098	573.124	93.566	16.726	580.752	93.566
10/45	16.300	163.000	150.000	200.000	200.000	200.000	400.000	82.676	10.000	25.707	12.644	588.351	108.383	23.465	599.172	108.383
11/46	16.300	179.300	150.000	200.000	200.000	200.000	400.000	96.542	-	27.507	16.456	593.963	124.049	30.895	608.401	124.049
12/47	16.300	195.600	150.000	200.000	200.000	200.000	400.000	111.200	-	29.432	20.976	600.409	140.632	39.815	619.247	140.632
13/48	16.300	211.900	150.000	200.000	200.000	200.000	400.000	126.728	-	31.493	26.263	607.756	158.221	50.386	631.879	158.221
14/49	16.300	228.200	150.000	200.000	200.000	200.000	400.000	143.184	-	33.697	32.383	616.080	176.881	62.784	646.481	176.881
15/50	16.300	244.500	150.000	200.000	200.000	200.000	400.000	149.982	10.000	46.756	39.406	636.162	196.738	77.202	673.958	196.738
16/51	-	244.500	150.000	200.000	200.000	200.000	400.000	156.722	-	50.029	46.981	647.010	253.732	93.105	693.134	299.856
17/52	-	244.500	150.000	200.000	200.000	200.000	400.000	163.744	-	53.531	55.129	658.660	272.404	110.593	714.124	327.868

Ghi chú:

- Cột (4) là mức quyền lợi tối đa được thanh toán khi Người được bảo hiểm mắc Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu và Biến chứng bệnh tiểu đường với số lần thanh toán bồi thường tương ứng là 02 lần và 01 lần. Quyền lợi này được thanh toán độc lập với Quyền lợi tử vong hoặc Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau. Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu lần thứ 1, lần thứ 2 hoặc Biến chứng bệnh tiểu đường được thanh toán sẽ không vượt quá 500 triệu đồng cho 01 lần thanh toán ngay cả trong trường hợp Người được bảo hiểm tham gia nhiều hơn một Hợp đồng bảo hiểm.
- Cột (7) Quyền lợi tử vong được thanh toán sau khi trừ đi Quyền lợi bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau đã được thanh toán bồi thường trước đó.
- Cột (11): Quyền lợi tiền mặt định kỳ được tích lũy ở mức lãi suất 7%/năm. Lãi suất thực tế do Công ty quy định tại từng thời điểm.
- Cột (12), Cột (15): Khoản đặc biệt do duy trì hợp đồng không đảm bảo, phụ thuộc vào lãi suất thực tế được công bố tùy thuộc vào kết quả đầu tư của Công ty và Giá trị hoàn lại.
- Cột (9), Cột (14), Cột (17): Giá trị hoàn lại trong thời hạn đóng phí không bao gồm Khoản đặc biệt do duy trì hợp đồng. Giá trị hoàn lại được minh họa với giả định chưa có bất kỳ Quyền lợi bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau nào được thanh toán. Trên thực tế Giá trị hoàn lại sẽ được điều chỉnh tùy thuộc vào Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau đã được thanh toán (nếu có).

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: PMU Dummy
Mã số Tư vấn bảo hiểm: dummypmu

Generali SIS Bản số: CIB2
In ngày: 25/06/2018 14.41.18

BẢN MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM NÀY LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM
VÀ CHỈ CÓ GIÁ TRỊ MINH HỌA KHI CÓ ĐẦY ĐỦ CÁC TRANG

MINH HỌA QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH

Đơn vị: nghìn đồng

Năm hợp đồng/Tuổi	Phí bảo hiểm quy năm	Tổng phí bảo hiểm đã đóng	Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo			Quyền lợi tử vong		Giá trị hoàn lại	Quyền lợi tiền mặt định kỳ	Quyền lợi tiền mặt định kỳ tích lũy	Giá trị minh họa ở mức 4%/năm áp dụng cho Khoản đặc biệt do duy trì hợp đồng (DTHĐ)			Giá trị minh họa ở mức 7%/năm áp dụng cho Khoản đặc biệt do duy trì hợp đồng (DTHĐ)		
			Giai đoạn đầu và Biến chứng bệnh tiểu đường	Giai đoạn sau lần thứ 1	Giai đoạn sau lần thứ 2	Đã nhận quyền lợi minh họa tại (5)	Chưa nhận quyền lợi minh họa tại (5), (6)				Khoản đặc biệt do DTHĐ tích lũy	Tổng Quyền lợi bảo hiểm tối đa	Giá trị hoàn lại	Khoản đặc biệt do DTHĐ tích lũy	Tổng Quyền lợi bảo hiểm tối đa	Giá trị hoàn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11) = (10) + Lãi	(12)	(13) = (4) + (8) + (11) + (12)	(14) = (9) + (11) + (12)	(15)	(16) = (4) + (8) + (11) + (15)	(17) = (9) + (11) + (15)
18/53	-	244.500	150.000	200.000	200.000	200.000	400.000	171.060	-	57.278	63.884	671.162	292.222	129.796	737.074	358.134
19/54	-	244.500	150.000	200.000	200.000	200.000	400.000	178.686	-	61.287	73.282	684.569	313.255	150.856	762.144	390.830
20/55	-	244.500	150.000	200.000	200.000	200.000	400.000	175.920	10.000	76.277	83.361	709.638	335.558	173.924	800.202	426.122
21/56	-	244.500	150.000	200.000	200.000	200.000	400.000	183.440	-	81.617	93.732	725.349	358.789	198.413	830.030	463.470
22/57	-	244.500	150.000	200.000	200.000	200.000	400.000	191.272	-	87.330	104.819	742.149	383.421	225.143	862.473	503.745
23/58	-	244.500	150.000	200.000	200.000	200.000	400.000	199.456	-	93.443	116.663	760.106	409.562	254.292	897.735	547.191
24/59	-	244.500	150.000	200.000	200.000	200.000	400.000	208.028	-	99.984	129.307	779.292	437.320	286.055	936.039	594.067
25/60	-	244.500	150.000	200.000	200.000	200.000	400.000	206.268	10.000	117.683	142.801	810.484	466.752	320.640	988.323	644.591
30/65	-	244.500	150.000	200.000	200.000	200.000	400.000	243.562	10.000	175.757	222.212	947.968	641.530	539.566	1.265.323	958.885
35/70	-	244.500	150.000	200.000	200.000	200.000	400.000	296.822	10.000	257.208	327.938	1.135.146	881.968	863.488	1.670.696	1.417.518
40/75	-	244.500	150.000	200.000	200.000	200.000	400.000	400.000	10.000	371.447	471.321	1.392.768	1.242.768	1.345.014	2.266.462	2.116.462
41-64/76-99	-	244.500	-	-	-	200.000	200.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Quyền lợi tiền mặt đặc biệt tại tuổi 75 (*)	Mức đảm bảo	Mức 4%/năm áp dụng cho Khoản đặc biệt do duy trì hợp đồng	Mức 7%/năm áp dụng cho Khoản đặc biệt do duy trì hợp đồng
		480.000	1.242.768

Ghi chú:

(*) Quyền lợi tiền mặt đặc biệt tại tuổi 75 bao gồm Quyền lợi tiền mặt định kỳ tích lũy và Khoản đặc biệt do duy trì hợp đồng và được minh họa với giả định chưa nhận Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau nào trước đó. Trên thực tế Quyền lợi tiền mặt đặc biệt tại tuổi 75 được thanh toán sau khi trừ đi Quyền lợi Bệnh hiểm nghèo giai đoạn sau đã được thanh toán (nếu có).

Họ và tên Tư vấn bảo hiểm: PMU Dummy
Mã số Tư vấn bảo hiểm: dummypmu

Generali SIS Bản số: CIB2
In ngày: 25/06/2018 14.41.18

BẢN MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM NÀY LÀ MỘT PHẦN CỦA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM VÀ CHỈ CÓ GIÁ TRỊ MINH HỌA KHI CÓ ĐẦY ĐỦ CÁC TRANG

Ghi chú:

Bản minh họa này được xây dựng trên cơ sở giả định rằng tất cả các khoản Phí bảo hiểm được đóng đầy đủ và không có giao dịch nào làm thay đổi giá trị hợp đồng bảo hiểm.

Tôi cam đoan Tôi đã đọc, hiểu và được Tư vấn bảo hiểm trình bày giải thích rõ ràng, đầy đủ về Quy tắc và Điều khoản sản phẩm, các chi tiết quyền lợi bảo hiểm, giá trị và các thông tin tài chính trong Bản minh họa quyền lợi bảo hiểm theo yêu cầu của cá nhân tôi. Bằng việc xác nhận dưới đây, Tôi, Bên mua bảo hiểm, đồng ý với Bản minh họa quyền lợi bảo hiểm này và đồng ý tham gia các sản phẩm bảo hiểm nêu trên.

Bên mua bảo hiểm	Người được bảo hiểm (Người giám hộ hợp pháp ký thay nếu Người được bảo hiểm dưới 18 tuổi)	Tư vấn bảo hiểm
Họ và tên: Ngày:/...../.....	Họ và tên: Ngày:/...../.....	Họ và tên: Ngày:/...../.....